TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và tranh chấp chia nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng;

Ông Lê Văn Được.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Kim Đầy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh****:* Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và tranh chấp chia nợ chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Sa R, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Trà K, xã Thuận H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Thạch Sô Ry D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Trà K, xã Thuận H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Ngô Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Tri L, xã Hiệp H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có đơn xin vắng mặt

- Anh Ngô Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp La B, xã Long S, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có đơn xin vắng mặt

- Ông Kim X, sinh năm 1947. Địa chỉ: Ấp Trà K, xã Thuận H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Thạch Thị Sa R trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000 chị và anh Thạch Sô Ry D xác lập quan hệ hôn nhân và có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cầu Ng, huyện Cầu Ngang, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, đến tháng 8 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Ry D có người phụ nữ khác bên ngoài nên giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thạch Sô Ry D.

- Về nuôi con tên: Thạch Thị Khánh Nh, sinh ngày 09/4/2002 đã trưởng thành nên chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết và Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 hiện tại chị Sa R đang nuôi dưỡng. Chị Sa R yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sa R yêu cầu anh Ry D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Sa R không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Nợ ông Kim X số tiền 100.000.000 đồng nợ đại lý thức ăn Ba T (Ngô Văn T) số tiền 39.360.000 đồng và Năm Đ (Ngô Đ) 13.920.000 đồng. Nay chị đồng ý trả hết số nợ trên cho ông Kim X, ông Ngô Văn T và anh Ngô Đ, chị không yêu cầu anh Ry D trả số nợ trên. Đối với các khoản nợ anh Ry D trình bày là bà Thạch Thị S và Nguyễn Minh S nợ anh Thạch Sô Ry D thì chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khoản nợ này chị không biết, không liên quan gì đến chị. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Thạch Sô Ry D trình bày:

Quá trình xác lập quan hệ hôn nhân chị Sa R trình bày là đúng. Quá trình chung sống, đến tháng 8/2023 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ nghe lời người khác nên thường xuyên ghen tuông và nghi ngờ anh có người phụ nữ khác bên ngoài nên giữa vợ chồng xảy ra cự cãi và đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay vợ yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung tên:* Thạch Thị Khánh Nh, sinh ngày 09/4/2002 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 hiện tại vợ đang nuôi dưỡng. Anh đồng ý để vợ tiếp tục nuôi con và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung của vợ chồng:* Anh không tranh chấp, không khởi kiện.

- *Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:* Thời gian chung sống vào khoảng năm 2002 vợ chồng anh có mượn của ông Kim X số tiền là 100.000.000 đồng để mua máy suốt (máy suốt anh cũng đã bán vào khoảng năm 2004 để chi tiêu trong gia đình), nợ tiền thức ăn nuôi bò của đại lý thức ăn Ba T (Ngô Văn T) số tiền 39.360.000 đồng và nợ của đại lý thức ăn Ngô Đ số tiền 13.920.000 đồng. Nay vợ chồng ly hôn anh yêu cầu chia đôi số nợ trên mỗi người trả ½ số nợ, anh đồng ý trả cho ông Kim X 50.000.000 đồng, anh đồng ý trả 19.680.000 đồng cho ông T và anh đồng ý trả 6.960.000 đồng cho anh Đ. Phần còn lại anh yêu cầu chị Thạch Thị Sa R trả cho các chủ nợ, anh không đồng ý để chị Sa R một mình trả số nợ trên mà yêu cầu vợ chồng chia đôi trả.

Ngoài ra anh có cho Thạch Thị S (em vợ) mượn 45.000.000 đồng, 01 cây 4 chỉ rưỡi vàng 9999 và Nguyễn Minh S mượn 50.000.000 đồng nên anh yêu cầu giải quyết buộc Thạch Thị S và Nguyễn Minh S phải trả đủ số tiền và vàng trên cho anh, anh yêu cầu giải quyết trong vụ án hôn nhân thì anh mới đồng ý ly hôn. Tiền anh cho Nguyễn Minh S và Thạch Thị Sn là tiền riêng của anh, không liên quan tới Thạch Thị S. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn, bi đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thạch Thị Sa R được ly hôn với anh Thạch Sô Ry D. Về con chung tên Thạch Thị Khánh Nh, sinh ngày 09/4/2002 đã trưởng thành, chị S và anh Ry D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 hiện tại chị S đang nuôi dưỡng, cháu Sô V có nguyện vọng sống chung với chị Sa R, anh Ry D đồng ý cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được quyền nuôi con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008. Về cấp dưỡng nuôi con chị S yêu cầu anh Ry D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng. Anh Ry D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Thạch Sô Ry D cấp dưỡng nuôi con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị S và anh Ry D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chi S đồng ý trả tiền cho các chủ nợ như ông Kim X, ông Ngô Văn T và anh Ngô Đ, không yêu cầu anh Ry D trả tiền cho các chủ nợ trên. Đồng thời các chủ nợ đã có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối với yêu cầu của anh Thạch Sô Ry D về việc yêu cầu chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Minh S trả tiền và vàng do không có liên quan đến vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Thạch Thị S nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm và buộc anh Thạch Sô Ry D nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử hoàn trả tiền tạm ứng án phí của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Thạch Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con với anh Thạch Sô Ry D, địa chỉ: Ấp Trà K, xã Thuận H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chị Thạch Thị S và anh Thạch Sô Ry D trả nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và tranh chấp chia nợ chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2000, chị S và anh Ry D xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ng, huyện Cầu Ngang. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị S và anh Ry D là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị S trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do anh Ry D có người phụ nữ khác bên ngoài nên giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết ly hôn với anh Ry D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Ry D trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, nguyên nhân do vợ nghe lời người khác nên thường xuyên ghen tuông và nghi ngờ anh có người phụ nữ khác bên ngoài nên giữa vợ chồng xảy ra cự cãi và đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay vợ yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Thạch Thị S.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị S và anh Ry D có xảy ra cự cãi về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị S xác định chị không còn tình cảm với anh Ry D, chị cương quyết xin ly hôn với anh Ry D. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Ry D, đồng ý ly hôn với chị S. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh Ry D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị S, về hôn nhân xử cho chị S được ly hôn với anh Thạch Sô Ry DS.

[3] Về con chung tên: Thạch Thị Khánh Nh, sinh ngày 09/4/2002 đã trưởng thành, chị S và anh Ry D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008, hiện tại chị S đang nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng sống chung với mẹ và anh Ry D đồng ý để chị S tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được quyền nuôi con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S yêu cầu anh Ry D cấp dưỡng nuôi con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng. Anh Ry D đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị S. Căn cứ các Điều 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa của anh Thạch Sô Ry D về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị Thạch Thị S.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Sa R và anh Ry D không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Xét thấy thời gian chung sống, chị S và anh Ry D có mượn của ông Kim X số tiền là 100.000.000 đồng, nợ tiền thức ăn nuôi bò của đại lý thức ăn Ba T (Ngô Văn T) số tiền 39.360.000 đồng và nợ của đại lý thức ăn Năm Đ (Ngô Đ) số tiền 13.920.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, các chủ nợ trên có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch Sô Ry D phải trả tiền cho các chủ nợ nêu trên. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị S đồng ý trả tiền cho các chủ nợ nêu trên, không yêu cầu anh Ry D phải trả tiền cho các chủ nợ. Anh Ry D không đồng ý để chị S trả một mình cho các chủ nợ mà yêu cầu chia đôi số nợ

trên mỗi người trả ½ nợ cho các chủ nợ nêu trên. Tuy nhiên, các chủ nợ có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện do đã thỏa thuận xong với chị S, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim X, ông Ngô Văn T và anh Ngô Đ.

Đối với lời trình bày của anh Thạch Sô Ry D về việc yêu cầu Thạch Thị S phải trả cho anh số tiền đã mượn là 45.000.000 đồng, 01 cây 4 chỉ rưỡi vàng 9999 và Nguyễn Minh S phải trả cho anh số tiền đã mượn của anh là 50.000.000 đồng. Tiền anh cho anh S và chị S mượn là tiền riêng của anh, không liên quan tới Thạch Thị SS. Quá trình giải quyết vụ án, chị S trình bày việc anh Ry D cho Thạch Thị S và Nguyễn Minh S mượn tiền và vàng thì chị không biết, không liên quan gì đến chị và chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này.

Xét thấy, anh Ry D và chị S xác định việc anh Ry D cho chị S à anh S mượn tiền là khoản tiền và vàng riêng của anh Ry D, không phải là tài sản chung của vợ chồng, không liên quan đến vụ án. Đồng thời sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh Ry D mới nộp đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét, anh Ry D có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Minh S trả tiền và vàng cho anh, kèm theo tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ trong vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Thạch Thị S và anh Thạch Sô Ry D phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Ngô Văn T và anh Ngô Đ. Ông Kim X là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí và được Thẩm phán chấp nhận nên không xử lý tiền tạm ứng án phí.

Xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 217, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị S.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Thạch Sô Ry D.

- *Về con chung tên:* Thạch Thị Khánh Nh, sinh ngày 09/4/2002 đã trưởng thành, chị S và anh Ry D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Thạch Thị S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 khi ly hôn.

Anh Thạch Sô Ry D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc anh Thạch Sô Ry D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tên Thạch Chane Sô V, sinh ngày 22/4/2008 đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị S.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Chị S và anh Ry D không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng*: Ông Kim X, ông Ngô Văn T và anh Ngô Đ không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Kim X, ông Ngô Văn T và anh Ngô Đ đối với phần nợ chung của chị Thạch Thị S và anh Thạch Sô Ry D.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc Chị Thạch Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001010, ngày 12 tháng 12 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị S đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Thạch Sô Ry D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Hoàn trả cho ông Ngô Văn T số tiền tạm ứng án phí là 984.000 đồng (Chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0001144, ngày 01 tháng 3 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Hoàn trả cho anh Ngô Đ số tiền tạm ứng án phí là 348.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 0001147, ngày 04 tháng 3 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà